

**QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 71/2022/QH15

**NGHỊ QUYẾT****Ban hành Nội quy kỳ họp Quốc hội****QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14,*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1**

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Nội quy kỳ họp Quốc hội.

**Điều 2**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội; Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2023.
2. Nghị quyết số 102/2015/QH13 ban hành Nội quy kỳ họp Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

---

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2022.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI****Vương Đình Huệ**

**QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****NỘI QUY****KỲ HỌP QUỐC HỘI**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15  
ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội)*

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Kỳ họp Quốc hội**

1. Kỳ họp Quốc hội là hình thức hoạt động chủ yếu của Quốc hội. Tại kỳ họp, Quốc hội thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Kỳ họp Quốc hội có thể được tổ chức liên tục hoặc theo hai hay nhiều đợt.

2. Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kỳ.

Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn, trừ nội dung định kỳ trình Quốc hội theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc tổ chức kỳ họp bất thường.

**Điều 2. Chủ trì kỳ họp Quốc hội**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trì kỳ họp Quốc hội theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, bảo đảm để kỳ họp Quốc hội được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, đạt hiệu quả thiết thực theo chương trình đã được Quốc hội thông qua, bảo đảm để Quốc hội thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Điều 3. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội**

1. Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Quốc hội, tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung

của kỳ họp Quốc hội và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội.

2. Trường hợp không thể tham dự kỳ họp Quốc hội, phiên họp theo chương trình kỳ họp đã được Quốc hội thông qua, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm sau đây:

a) Báo cáo Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để thông báo đến Tổng Thư ký Quốc hội tổng hợp báo cáo Chủ tịch Quốc hội nếu vắng mặt từ 02 ngày làm việc trở xuống trong cả kỳ họp Quốc hội;

b) Báo cáo bằng văn bản, có nêu rõ lý do đến Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để thông báo đến Tổng Thư ký Quốc hội tổng hợp báo cáo Chủ tịch Quốc hội quyết định nếu không thể tham dự kỳ họp Quốc hội hoặc vắng mặt tổng số trên 02 ngày làm việc trong cả kỳ họp Quốc hội.

Trường hợp vắng mặt vì lý do sức khỏe hoặc lý do bất khả kháng thì đại biểu Quốc hội báo cáo Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để thông báo đến Tổng Thư ký Quốc hội tổng hợp báo cáo Chủ tịch Quốc hội;

c) Trường hợp vắng mặt để thực hiện nhiệm vụ của kỳ họp Quốc hội theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội thì đại biểu Quốc hội báo cáo Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, đồng thời thông báo đến Tổng Thư ký Quốc hội tổng hợp báo cáo Chủ tịch Quốc hội.

Danh sách đại biểu Quốc hội không thể dự kỳ họp Quốc hội, vắng mặt tại phiên họp theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này được ghi vào biên bản phiên họp, biên bản kỳ họp Quốc hội.

3. Đại biểu Quốc hội trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về kỳ họp Quốc hội phải bảo đảm chính xác, khách quan; không tiết lộ thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, nội dung các phiên họp kín của Quốc hội.

4. Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm sử dụng, bảo quản tài liệu của kỳ họp Quốc hội theo quy định của pháp luật; trả lại tài liệu cần thu hồi theo yêu cầu; sử dụng, bảo quản huy hiệu đại biểu Quốc hội, thẻ đại biểu Quốc hội, trang thiết bị được trang cấp theo quy định.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội**

1. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu Quốc hội trong Đoàn thực hiện chương trình kỳ họp Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội và các quy định khác về kỳ họp Quốc hội; tổ chức và điều hành hoạt động của Đoàn; giữ mối liên hệ với Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và Tổng Thư ký Quốc hội.

2. Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội giúp Trưởng Đoàn thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Đoàn. Khi Trưởng Đoàn vắng mặt thì Phó Trưởng Đoàn được Trưởng Đoàn ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Đoàn.

#### **Điều 5. Người được mời tham dự kỳ họp Quốc hội, dự thính tại phiên họp Quốc hội**

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thành viên Chính phủ, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan do Quốc hội thành lập không phải là đại biểu Quốc hội được mời tham dự kỳ họp Quốc hội; có trách nhiệm tham dự phiên họp toàn thể của Quốc hội khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp Quốc hội quy định tại khoản này được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp đồng ý hoặc yêu cầu.

2. Khách mời danh dự trong nước, khách mời danh dự quốc tế do Chủ tịch Quốc hội quyết định theo đề nghị của Tổng Thư ký Quốc hội. Tổng Thư ký Quốc hội trao đổi, thống nhất với Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội về khách mời danh dự quốc tế trước khi báo cáo Chủ tịch Quốc hội.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc khách mời danh dự trong nước phát biểu tại phiên họp toàn thể của Quốc hội theo đề nghị của Tổng Thư ký Quốc hội; xem xét việc khách mời danh dự quốc tế phát biểu tại phiên họp toàn thể của Quốc hội theo đề nghị của Thường trực Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, quyết định đưa vào chương trình kỳ họp Quốc hội.

3. Đại diện cơ quan nhà nước, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân,

cơ quan báo chí có thể được mời dự các phiên họp công khai của Quốc hội. Căn cứ chương trình kỳ họp Quốc hội, đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội quyết định danh sách người được mời quy định tại khoản này.

4. Công dân có thể được dự thính các phiên họp công khai của Quốc hội. Tổng Thư ký Quốc hội tổ chức việc công dân dự thính các phiên họp công khai của Quốc hội.

5. Chế độ sử dụng tài liệu và vị trí chỗ ngồi của người được mời tham dự kỳ họp Quốc hội quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này do Tổng Thư ký Quốc hội quyết định.

### **Điều 6. Chương trình kỳ họp Quốc hội**

1. Căn cứ luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội.

2. Việc xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn; trong đó, ưu tiên bố trí thời gian thảo luận các dự án luật, dự thảo nghị quyết được trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp trước các dự án luật, dự thảo nghị quyết được trình Quốc hội cho ý kiến; phiên thảo luận về kinh tế - xã hội được tổ chức trước phiên chất vấn; các nội dung trong các lĩnh vực có liên quan đến nhau được bố trí thảo luận gần nhau.

3. Dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội được gửi xin ý kiến đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp bất thường.

4. Chương trình kỳ họp Quốc hội do Quốc hội xem xét, thông qua tại phiên họp trừ bị theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội.

Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước báo cáo về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội;

b) Quốc hội xem xét, thông qua chương trình kỳ họp Quốc hội.

5. Trường hợp cần thiết, căn cứ đề nghị của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp Quốc hội;

b) Quốc hội xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp Quốc hội.

6. Trường hợp cần thiết điều chỉnh thời gian thực hiện nội dung của kỳ họp Quốc hội, việc phát thanh, truyền hình trực tiếp phiên họp toàn thể của Quốc hội trong chương trình kỳ họp đã được Quốc hội thông qua thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội.

### **Điều 7. Tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội**

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội bao gồm:

a) Tài liệu chính thức gồm tài liệu thuộc hồ sơ của các dự án luật, dự thảo nghị quyết, đề án theo quy định của pháp luật và các tờ trình, báo cáo khác thuộc nội dung của kỳ họp Quốc hội, do Chủ tịch Quốc hội quyết định theo đề nghị của Tổng Thư ký Quốc hội;

b) Tài liệu tham khảo gồm các ấn phẩm, chuyên đề, báo cáo và các sản phẩm nghiên cứu, biên dịch được cung cấp cho đại biểu Quốc hội để có thêm thông tin về nội dung Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp, do Tổng Thư ký Quốc hội quyết định. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội phối hợp với Tổng Thư ký Quốc hội cung cấp tài liệu tham khảo phục vụ đại biểu Quốc hội tại kỳ họp.

Đại biểu Quốc hội có thể đề nghị Tổng Thư ký Quốc hội cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Quốc hội.

2. Hình thức lưu hành tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội được quy định như sau:

a) Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản điện tử, trường hợp thuộc bí mật nhà nước thì lưu hành bằng văn bản giấy.

Đối với tài liệu đã lưu hành bằng hình thức văn bản điện tử, trong trường hợp cần thiết, Tổng Thư ký Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Chủ tịch Quốc hội quyết định việc lưu hành thêm văn bản giấy; trường hợp đại biểu Quốc hội có yêu cầu, Tổng Thư ký Quốc hội tổ chức việc cung cấp thêm tài liệu bằng văn bản giấy;

b) Hình thức lưu hành tài liệu tham khảo do Tổng Thư ký Quốc hội quyết định.

3. Tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội được gửi đến Văn phòng Quốc hội để gửi đại biểu Quốc hội theo thời hạn quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội, luật, nghị quyết có liên quan. Danh sách tài liệu chính thức và tên cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi chậm, lý do gửi chậm được công khai đến đại biểu Quốc hội.

4. Căn cứ quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Tổng Thư ký Quốc hội ban hành danh mục tài liệu thu hồi tại kỳ họp Quốc hội.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị gửi đến đại biểu Quốc hội tài liệu không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì Tổng Thư ký Quốc hội báo cáo Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

6. Văn phòng Quốc hội phải bảo đảm hệ thống cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội vận hành thông suốt, thống nhất, an toàn, hiệu quả.

### **Điều 8. Lưu trữ tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội**

Tài liệu chính thức phục vụ kỳ họp Quốc hội, luật, nghị quyết của Quốc hội, biên bản, tài liệu ghi âm của các phiên họp tại kỳ họp Quốc hội, phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan đến kỳ họp Quốc hội được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Điều 9. Thông tin về kỳ họp Quốc hội**

1. Tổng Thư ký Quốc hội có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin về chương trình, nội dung của kỳ họp Quốc hội, hoạt động của Quốc hội tại kỳ họp theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Thư ký Quốc hội tổ chức họp báo về kỳ họp Quốc hội trước phiên khai mạc và sau phiên bế mạc kỳ họp Quốc hội. Trường hợp cần thiết, Tổng Thư ký Quốc hội tổ chức họp báo để cung cấp thông tin chính thức về sự kiện diễn ra tại kỳ họp Quốc hội.

3. Tổng Thư ký Quốc hội công bố nghị quyết của Quốc hội chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, trừ trường hợp luật quy định khác.

4. Phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Quốc hội, phiên thảo luận về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, phiên chất vấn tại kỳ họp Quốc hội, Lễ tuyên thệ được phát thanh, truyền hình trực tiếp trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và Truyền hình Quốc hội Việt Nam. Các phiên họp khác của Quốc hội được phát thanh, truyền hình trực tiếp theo quyết định của Quốc hội được ghi trong chương trình kỳ họp Quốc hội.

5. Tổng Thư ký Quốc hội quyết định tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội.

6. Văn kiện chủ yếu của mỗi kỳ họp Quốc hội được đăng trong kỷ yếu của kỳ họp Quốc hội do Văn phòng Quốc hội ấn hành và phát hành dưới dạng điện tử.

7. Đại diện cơ quan báo chí, thông tấn được tạo điều kiện thuận lợi tại khu vực dành riêng để tham dự, đưa tin về các phiên họp công khai tại kỳ họp Quốc hội và bảo đảm việc đưa tin chính xác, khách quan theo quy định của pháp luật về báo chí. Tổng Thư ký Quốc hội quy định cụ thể về hoạt động của đại diện cơ quan báo chí, thông tấn tại khu vực diễn ra kỳ họp Quốc hội.

**Điều 10. Lấy ý kiến đại biểu Quốc hội bằng phiếu xin ý kiến**

1. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của ít nhất hai mươi phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự án, dự thảo, báo cáo, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ trì thẩm tra xem xét, quyết định việc lấy ý kiến các đại biểu Quốc hội về vấn đề thuộc nội dung của kỳ họp Quốc hội bằng phiếu xin ý kiến.



2. Đề nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc lấy ý kiến đại biểu Quốc hội bằng phiếu xin ý kiến được gửi đến Tổng Thư ký Quốc hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phiếu xin ý kiến thể hiện rõ phương án, ưu điểm, nhược điểm của từng phương án và được thể hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

3. Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm thể hiện ý kiến vào phiếu xin ý kiến và gửi lại phiếu xin ý kiến đến Tổng Thư ký Quốc hội đúng thời hạn.

4. Tổng Thư ký Quốc hội chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức việc lấy ý kiến đại biểu Quốc hội; tập hợp, tổng hợp kết quả phiếu xin ý kiến và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội để báo cáo Quốc hội.

### **Điều 11. Khai mạc, bế mạc kỳ họp Quốc hội**

1. Kỳ họp Quốc hội giữa năm khai mạc vào ngày 20 tháng 5; kỳ họp Quốc hội cuối năm khai mạc vào ngày 20 tháng 10. Trường hợp ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 10 trùng vào ngày thứ Sáu của tuần hoặc ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội là ngày làm việc kế tiếp. Trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức kỳ họp Quốc hội vào các thời điểm nêu trên thì ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước quyết định chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Quốc hội.

Ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối nhiệm kỳ và kỳ họp bất thường của Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

2. Chủ tịch Quốc hội khai mạc và bế mạc kỳ họp Quốc hội. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội khóa trước khai mạc kỳ họp Quốc hội.

3. Tại phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự phiên họp.

Khi bắt đầu phiên khai mạc và kết thúc phiên bế mạc, Quốc hội làm lễ chào cờ. Tại lễ chào cờ, quân nhạc cử Quốc thiều, đại biểu Quốc hội và những người tham dự hát Quốc ca.

**Điều 12. Tổng kết kỳ họp Quốc hội**

1. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức đề các đại biểu Quốc hội trong Đoàn đánh giá kết quả kỳ họp Quốc hội; gửi báo cáo tổng hợp ý kiến của Đoàn đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi bế mạc kỳ họp Quốc hội. Tổng Thư ký Quốc hội có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các Đoàn đại biểu Quốc hội và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Sau khi bế mạc kỳ họp Quốc hội, tại phiên họp gần nhất, căn cứ ý kiến của các Đoàn đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức tổng kết kỳ họp Quốc hội với sự tham dự của Chủ tịch nước, đại diện Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, đại diện cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Báo cáo tổng kết kỳ họp Quốc hội được gửi đến đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội.

**Chương II****PHIÊN HỌP TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI****Điều 13. Các hình thức làm việc tại kỳ họp Quốc hội**

1. Các phiên họp tại kỳ họp Quốc hội bao gồm:

- a) Phiên họp toàn thể của Quốc hội;
- b) Phiên họp do Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức để thảo luận, xem xét về nội dung thuộc chương trình kỳ họp Quốc hội;
- c) Phiên họp do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tổ chức để thảo luận, xem xét về nội dung trong chương trình kỳ họp Quốc hội thuộc lĩnh vực phụ trách;
- d) Phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội thảo luận về nội dung trong chương trình kỳ họp Quốc hội;
- đ) Phiên họp Tổ đại biểu Quốc hội thảo luận về nội dung trong chương trình kỳ họp Quốc hội.

2. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Quốc hội mời Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội khác có liên quan trao đổi về những vấn đề trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Các phiên họp tại kỳ họp Quốc hội được tiến hành công khai, trừ trường hợp được quyết định họp kín.

#### **Điều 14. Hình thức tiến hành kỳ họp, phiên họp của kỳ họp Quốc hội**

1. Quốc hội tiến hành kỳ họp theo hình thức họp trực tiếp.

Căn cứ tình hình thực tiễn, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc tổ chức kỳ họp Quốc hội theo hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và trực tuyến.

2. Các phiên họp kín, phiên biểu quyết bằng bỏ phiếu kín phải được tiến hành theo hình thức họp trực tiếp.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về hình thức họp trực tuyến, kết hợp giữa họp trực tiếp và trực tuyến.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của chủ tọa, người được phân công điều hành phiên họp tại kỳ họp Quốc hội**

1. Chủ tọa hoặc người được phân công điều hành phiên họp tại kỳ họp Quốc hội có trách nhiệm điều hành phiên họp theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Nội quy kỳ họp Quốc hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm thực hiện đúng chương trình kỳ họp đã được Quốc hội thông qua.

2. Tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp có trách nhiệm điều hành phiên họp theo trình tự quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

Tổng Thư ký Quốc hội phân công thư ký tham mưu, phục vụ Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội trong việc điều hành phiên họp toàn thể của Quốc hội.

3. Tại phiên họp do Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp có trách nhiệm điều hành phiên họp theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều 21 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

4. Tại phiên họp do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tổ chức, phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội, Chủ tọa phiên họp có trách

nhiệm điều hành phiên họp theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 23 và khoản 4 Điều 24 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

**Điều 16. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội khi thảo luận, tranh luận tại phiên họp**

1. Tuân thủ quy định tại Nội quy kỳ họp Quốc hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phát biểu tập trung về nội dung thảo luận.

2. Đại biểu Quốc hội tranh luận tập trung làm rõ vấn đề cần tranh luận, bảo đảm tính xây dựng, có thái độ tôn trọng đại biểu Quốc hội đã phát biểu trước.

3. Trường hợp đại biểu Quốc hội đăng ký mà chưa phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do hết thời gian phát biểu thì gửi ý kiến bằng văn bản đến Tổng Thư ký Quốc hội để tập hợp, tổng hợp.

**Điều 17. Phiên họp toàn thể của Quốc hội**

1. Phiên họp toàn thể của Quốc hội gồm phiên trù bị, phiên khai mạc, phiên bế mạc, nghe thuyết trình về dự án, dự thảo, trình bày báo cáo, các phiên thảo luận, chất vấn và biểu quyết thông qua.

2. Chủ tịch Quốc hội chủ tọa các phiên họp toàn thể của Quốc hội. Các Phó Chủ tịch Quốc hội giúp Chủ tịch Quốc hội điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Quốc hội.

Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội khóa trước chủ tọa các phiên họp toàn thể của Quốc hội cho đến khi Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội khóa mới.

3. Quốc hội họp trù bị trước khi khai mạc kỳ họp Quốc hội để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp Quốc hội và tiến hành một số nội dung khác.

4. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thuyết trình về dự án, dự thảo, trình bày báo cáo không quá 15 phút, trừ trường hợp theo quyết định của Quốc hội được ghi trong chương trình kỳ họp Quốc hội.

5. Trường hợp người đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự án, dự thảo, báo cáo không thể thuyết trình về dự án, dự thảo, trình bày báo cáo trước Quốc hội thì những chủ thể sau được phân công thuyết trình, trình bày văn bản:

a) Thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành viên Chính phủ theo sự phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

b) Cấp phó của người đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự án, dự thảo, báo cáo theo sự phân công của cấp trưởng;

c) Thành viên Ban soạn thảo dự án, dự thảo thuyết trình về dự án, dự thảo do đại biểu Quốc hội trình theo sự phân công của đại biểu Quốc hội.

6. Vị trí ngồi của đại biểu Quốc hội tại phiên họp toàn thể của Quốc hội do Tổng Thư ký Quốc hội bố trí.

### **Điều 18. Thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.

2. Trình tự phiên họp toàn thể của Quốc hội thảo luận về nội dung của kỳ họp Quốc hội được tiến hành như sau:

a) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp nêu nội dung đề nghị đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận;

b) Đại biểu Quốc hội đăng ký phát biểu qua hệ thống điện tử;

c) Đại biểu Quốc hội phát biểu thảo luận theo thứ tự đã đăng ký. Khi muốn tranh luận với đại biểu Quốc hội đã phát biểu trước đó, đại biểu Quốc hội đăng ký tranh luận;

d) Căn cứ nội dung và tình hình thảo luận thực tế, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp có thể mời đại biểu Quốc hội phát biểu không theo thứ tự đăng ký, mời đại biểu Quốc hội đã đăng ký phát biểu tranh luận ý kiến của đại biểu Quốc hội phát biểu trước đó; yêu cầu đại biểu Quốc hội dừng phát biểu hoặc dừng tranh luận nếu đại biểu Quốc hội phát biểu, tranh luận quá thời gian hoặc phát biểu, tranh luận không đúng nội dung;

đ) Tại phiên họp toàn thể thảo luận lần đầu về dự án luật, dự thảo nghị quyết, báo cáo, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp mời đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội; tại phiên họp toàn thể thảo luận lần tiếp theo về dự án luật, dự thảo nghị quyết, mời đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, dự thảo nghị quyết giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội;

e) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp phát biểu kết thúc phiên họp.

3. Thời gian phát biểu, giải trình tại phiên họp toàn thể của Quốc hội như sau:

a) Đại biểu Quốc hội phát biểu lần thứ nhất không quá 07 phút, phát biểu lần thứ hai không quá 03 phút;

b) Đại biểu Quốc hội tranh luận mỗi lần không quá 03 phút;

c) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình, cơ quan chủ trì thẩm tra giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội mỗi lần không quá 10 phút.

4. Căn cứ diễn biến phiên họp, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp có thẩm quyền sau đây:

a) Đề nghị Quốc hội quyết định kéo dài thời gian của phiên họp không quá 30 phút của phiên họp buổi sáng, không quá 60 phút của phiên họp buổi chiều khi thời gian của phiên họp không đủ để tất cả đại biểu Quốc hội đã đăng ký được phát biểu, tranh luận. Trong thời gian kéo dài phiên họp, đại biểu Quốc hội đăng ký phát biểu lần thứ nhất được phát biểu không quá 05 phút;

b) Quyết định kéo dài thời gian mỗi lần giải trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình, cơ quan chủ trì thẩm tra không quá 15 phút khi nội dung được thảo luận hoặc giải trình có nhiều vấn đề phức tạp, chuyên môn sâu.

### **Điều 19. Chất vấn tại phiên họp toàn thể của Quốc hội**

1. Chủ tịch Quốc hội điều hành phiên chất vấn. Trường hợp Chủ tịch Quốc hội vắng mặt thì phân công một Phó Chủ tịch Quốc hội điều hành phiên chất vấn.

2. Trình tự phiên chất vấn được tiến hành như sau:

a) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên chất vấn nêu nhóm vấn đề đề nghị đại biểu Quốc hội tập trung chất vấn;

b) Đại biểu Quốc hội đăng ký chất vấn qua hệ thống điện tử;

c) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên chất vấn mời từng đại biểu Quốc hội chất vấn theo thứ tự đăng ký; mời người bị chất vấn trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình;

d) Căn cứ nội dung và tình hình thực tế, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên chất vấn mời đại biểu Quốc hội đã đăng

ký phát biểu tranh luận nội dung trả lời của người bị chất vấn; khi có nhiều đại biểu Quốc hội đăng ký tranh luận về cùng vấn đề đang được chất vấn thì đại biểu Quốc hội đã nêu chất vấn về vấn đề đó được ưu tiên tranh luận trước;

đ) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên chất vấn có quyền yêu cầu đại biểu Quốc hội dừng chất vấn hoặc tranh luận nếu đại biểu Quốc hội chất vấn, tranh luận quá thời gian hoặc chất vấn, tranh luận không đúng nội dung; yêu cầu người bị chất vấn dừng trả lời chất vấn khi trả lời không đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu Quốc hội hoặc quá thời gian;

e) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên chất vấn phát biểu kết thúc phiên chất vấn.

3. Mỗi lần chất vấn, đại biểu Quốc hội nêu chất vấn không quá 01 phút. Người bị chất vấn trả lời chất vấn không quá 03 phút đối với mỗi câu hỏi. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp quyết định việc kéo dài thời gian nêu chất vấn, trả lời chất vấn.

4. Đại biểu Quốc hội được quyền tranh luận với người bị chất vấn để làm rõ hơn vấn đề đang được chất vấn; không được sử dụng quyền tranh luận để nêu câu hỏi chất vấn hoặc tranh luận với đại biểu Quốc hội đã chất vấn trước đó; thời gian mỗi lần tranh luận không quá 02 phút.

### **Điều 20. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể của Quốc hội**

1. Dự thảo luật, dự thảo nghị quyết, báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội thông qua và đề xuất một số vấn đề còn ý kiến khác nhau cần biểu quyết trước khi biểu quyết thông qua toàn văn dự thảo luật, dự thảo nghị quyết phải được gửi đến đại biểu Quốc hội nghiên cứu chậm nhất là 24 giờ trước phiên biểu quyết thông qua.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần trình Quốc hội biểu quyết trước khi biểu quyết thông qua toàn văn dự thảo luật, dự thảo nghị quyết theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra.

2. Quốc hội quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết bằng hệ thống biểu quyết điện tử;
- b) Biểu quyết bằng bỏ phiếu kín;
- c) Biểu quyết bằng giơ tay.

Hình thức biểu quyết do Quốc hội quyết định được ghi trong chương trình kỳ họp Quốc hội.

3. Trình tự biểu quyết tại phiên họp toàn thể được tiến hành như sau:

a) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp nêu rõ vấn đề Quốc hội cần biểu quyết;

b) Quốc hội biểu quyết;

c) Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng hệ thống biểu quyết điện tử và biểu quyết bằng giơ tay. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín.

4. Việc tiến hành biểu quyết được thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp, đại biểu Quốc hội không biểu quyết thay đại biểu Quốc hội khác. Đại biểu Quốc hội có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

5. Luật, nghị quyết và các quyết định khác của Quốc hội được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành; trường hợp làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, thông qua Hiến pháp, quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, bãi nhiệm đại biểu Quốc hội phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Trường hợp Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác về tỷ lệ đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thì áp dụng quy định của văn bản đó.

6. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Quốc hội biểu quyết thông qua nhưng chưa có hiệu lực thi hành thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của ít nhất hai mươi phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự án, dự thảo, báo cáo, cơ quan chủ trì thẩm tra trình Quốc hội xem xét, quyết định việc biểu quyết lại theo trình tự như sau:

a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội việc biểu quyết lại;

b) Quốc hội xem xét, thông qua việc biểu quyết lại.

7. Trình tự Quốc hội xem xét, quyết định vấn đề đã được Quốc hội quyết định biểu quyết lại như sau:



- a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội vấn đề cần biểu quyết lại;
- b) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua vấn đề cần biểu quyết lại.

### **Điều 21. Phiên họp do Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức phiên họp để thảo luận, xem xét nội dung thuộc chương trình kỳ họp Quốc hội.
2. Đại biểu Quốc hội, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được mời tham dự phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
3. Việc tổ chức phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Điều 22. Phiên họp do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tổ chức**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tổ chức phiên họp để thảo luận, xem xét nội dung thuộc chương trình kỳ họp Quốc hội.

Trường hợp phiên họp được tổ chức không trùng thời gian làm việc theo chương trình kỳ họp đã được Quốc hội quyết định thì Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thông báo với Tổng Thư ký Quốc hội để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Quốc hội; trường hợp phiên họp tổ chức trùng thời gian với các phiên họp đã được Quốc hội quyết định trong chương trình kỳ họp thì báo cáo Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền đăng ký hoặc được mời tham dự phiên họp. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm thông báo về việc tổ chức phiên họp để đại biểu Quốc hội biết và đăng ký tham dự phiên họp.

3. Việc tổ chức phiên họp của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được thực hiện theo Quy chế làm việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

### **Điều 23. Phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội**

1. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chủ tọa phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội. Trường hợp Trưởng Đoàn vắng mặt thì Phó Trưởng Đoàn được phân công chủ tọa phiên họp.

2. Thư ký phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội do Chủ tọa phiên họp quyết định.

3. Trình tự phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội được tiến hành như sau:

- a) Chủ tọa nêu nội dung đề nghị đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận;
- b) Đại biểu Quốc hội phát biểu ý kiến;
- c) Chủ tọa phát biểu kết thúc phiên họp.

#### **Điều 24. Phiên họp Tổ đại biểu Quốc hội**

1. Tại mỗi kỳ họp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tổ đại biểu Quốc hội, chỉ định Tổ trưởng, Phó Tổ trưởng Tổ đại biểu Quốc hội.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu Quốc hội chủ tọa phiên họp Tổ. Trường hợp Tổ trưởng vắng mặt thì Phó Tổ trưởng được phân công chủ tọa phiên họp.

3. Tổng Thư ký Quốc hội phân công thư ký phiên họp Tổ đại biểu Quốc hội.

4. Trình tự phiên họp Tổ đại biểu Quốc hội được tiến hành như sau:

- a) Chủ tọa nêu nội dung đề nghị đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận;
- b) Đại biểu Quốc hội phát biểu ý kiến;
- c) Chủ tọa phát biểu kết thúc phiên họp.

#### **Điều 25. Phiên họp kín của Quốc hội**

1. Trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội, Quốc hội quyết định họp kín và ghi trong chương trình kỳ họp Quốc hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Quốc hội xem xét, quyết định họp kín theo trình tự sau đây:

- a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo về đề nghị Quốc hội họp kín;
- b) Quốc hội thảo luận, biểu quyết về việc họp kín.

2. Thành phần được mời dự; việc ghi âm, ghi biên bản phiên họp kín của Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội quyết định theo đề nghị của Tổng Thư ký Quốc hội. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định nội dung tại phiên họp kín được thực hiện theo quy định về các phiên họp tại kỳ họp Quốc hội.

#### **Điều 26. Biên bản kỳ họp Quốc hội**

1. Kỳ họp Quốc hội và các phiên họp tại kỳ họp Quốc hội phải được ghi âm, ghi biên bản. Biên bản kỳ họp Quốc hội gồm biên bản tổng hợp và biên bản các phiên họp tại kỳ họp Quốc hội.

2. Biên bản phiên họp toàn thể của Quốc hội phải phản ánh đầy đủ ý kiến phát biểu tại phiên họp; ý kiến bằng văn bản của đại biểu Quốc hội; kết quả biểu quyết của Quốc hội tại phiên họp. Biên bản phiên họp toàn thể của Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp và thư ký phiên họp ký xác thực.

3. Biên bản phiên họp do Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức phải phản ánh đầy đủ ý kiến phát biểu, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Quốc hội và do Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp, Tổng Thư ký Quốc hội ký xác thực.

4. Biên bản phiên họp do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tổ chức phải phản ánh đầy đủ ý kiến phát biểu, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Quốc hội và do Chủ tọa phiên họp, thư ký phiên họp ký xác thực.

5. Biên bản các phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội phải phản ánh đầy đủ ý kiến phát biểu của đại biểu Quốc hội, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Quốc hội và do Chủ tọa phiên họp, thư ký phiên họp ký xác thực.

6. Biên bản và bản ghi âm của các phiên họp phải được chuyển đến Tổng Thư ký Quốc hội để xây dựng biên bản kỳ họp Quốc hội. Biên bản kỳ họp Quốc hội phải được hoàn thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp Quốc hội, do Chủ tịch Quốc hội và Tổng Thư ký Quốc hội ký xác thực.

7. Mẫu biên bản tổng hợp, biên bản các phiên họp do Tổng Thư ký Quốc hội quy định.

### **Điều 27. Tập hợp, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội tại các phiên họp**

1. Ý kiến phát biểu, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Quốc hội tại các phiên họp có giá trị như nhau và phải được tập hợp, tổng hợp, giải trình, tiếp thu và báo cáo đầy đủ, trung thực với Quốc hội.

2. Tổng Thư ký Quốc hội tổ chức tập hợp, tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội.

3. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, dự thảo nghị quyết, báo cáo tự mình hoặc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo giải trình ý kiến thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội gửi đến đại biểu Quốc hội trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về nội dung đó.

4. Báo cáo tập hợp, báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội về từng nội dung của kỳ họp Quốc hội được gửi đến đại biểu Quốc hội chậm nhất là 02 ngày đối với kỳ họp thường lệ và 24 giờ đối với kỳ họp bất thường trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội về nội dung đó. Báo cáo tập hợp, báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội tại phiên biểu quyết thông qua phải được gửi đến đại biểu Quốc hội theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

5. Mẫu báo cáo tập hợp, báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội do Tổng Thư ký Quốc hội quy định.

### **Điều 28. Bảo đảm trật tự, an ninh và trang nghiêm tại kỳ họp Quốc hội**

1. Đại biểu Quốc hội, cá nhân khác được mời tham dự, dự thính phiên họp tại kỳ họp Quốc hội có trách nhiệm giữ trật tự phiên họp; tuân thủ các quy định của Nội quy kỳ họp Quốc hội về trình tự, thủ tục tiến hành các phiên họp tại kỳ họp Quốc hội; trang phục nghiêm túc; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ lịch sự; tôn trọng đại biểu Quốc hội, cá nhân khác, cơ quan, tổ chức tại phiên họp; không sử dụng thiết bị nghe nhìn cá nhân, điện thoại di động trong phiên họp kín, phiên họp về nội dung nhân sự.

2. Tại phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Quốc hội, Lễ tuyên thệ, đại biểu Quốc hội và khách mời mặc com-lê, áo dài truyền thống hoặc trang phục dân tộc, lễ phục tôn giáo, lễ phục lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Trường hợp đại biểu Quốc hội hoặc cá nhân khác được mời tham dự, dự thính phiên họp không tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này thì Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp nhắc nhở và yêu cầu đại biểu Quốc hội, cá nhân đó chấp hành nghiêm túc quy định.

## **Chương III**

### **XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC NỘI DUNG TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI**

#### **Điều 29. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu gồm Trưởng ban và các thành viên là đại biểu Quốc hội được Quốc hội bầu ra theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội; tại kỳ họp thứ nhất của

mỗi khóa Quốc hội, thành viên Ban kiểm phiếu do Chủ tịch Quốc hội khóa trước đề nghị. Thành viên Ban kiểm phiếu không là người trong danh sách đề Quốc hội bầu, phê chuẩn; bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội; miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn, điều hành việc biểu quyết bằng bỏ phiếu kín; xác định kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết; lập biên bản và báo cáo Quốc hội kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết; niêm phong phiếu biểu quyết; giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về việc kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu xác định kết quả biểu quyết bằng bỏ phiếu kín theo nguyên tắc sau đây:

a) Trường hợp biểu quyết bầu các chức danh trong bộ máy nhà nước, người được quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Quốc hội và được nhiều phiếu tán thành hơn thì trúng cử. Trường hợp cùng bầu một chức danh mà nhiều người được số phiếu tán thành ngang nhau và đạt quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Quốc hội thì Quốc hội biểu quyết lại việc bầu chức danh này trong số những người được số phiếu hợp lệ tán thành ngang nhau. Trong số những người được đưa ra biểu quyết lại, người được số phiếu tán thành nhiều hơn là người trúng cử; nếu biểu quyết lại mà nhiều người vẫn được số phiếu tán thành ngang nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử;

b) Việc phê chuẩn các chức danh trong bộ máy nhà nước phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành;

c) Việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội; việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

4. Ban kiểm phiếu kết thúc nhiệm vụ sau khi báo cáo kết quả biểu quyết bằng bỏ phiếu kín. Trường hợp một kỳ họp tiến hành nhiều lần bỏ phiếu kín, Quốc hội có thể quyết định việc Ban kiểm phiếu đã được thành lập trong lần bỏ phiếu trước tiếp tục làm việc trong các lần bỏ phiếu tiếp theo hoặc thay đổi thành viên Ban kiểm phiếu nếu có thành viên trong danh sách đề Quốc hội bầu, phê chuẩn; bãi

nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội; miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm.

5. Sau khi Ban kiểm phiếu kết thúc nhiệm vụ, nếu có khiếu nại, tố cáo của đại biểu Quốc hội về việc kiểm phiếu, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm xem xét, giải quyết và báo cáo kết quả với Quốc hội.

6. Thẻ lệ bỏ phiếu, mẫu phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản kết quả biểu quyết bằng bỏ phiếu kín, biên bản niêm phong phiếu biểu quyết do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

### **Điều 30. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định về nhân sự**

1. Hồ sơ trình Quốc hội về người được giới thiệu vào các chức danh để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn bao gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trình;
- b) Dự thảo nghị quyết;
- c) Báo cáo thẩm tra của cơ quan của Quốc hội trong trường hợp pháp luật quy định;
- d) Hồ sơ về người được giới thiệu vào các chức danh để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn và các tài liệu khác theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Hồ sơ về người ứng cử do đại biểu Quốc hội giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định và phải được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội chậm nhất là 02 ngày trước phiên họp bầu hoặc phê chuẩn chức danh đó.

3. Hồ sơ trình Quốc hội cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, bãi nhiệm đại biểu Quốc hội; miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn bao gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trình;
- b) Dự thảo nghị quyết;
- c) Các tài liệu khác theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Điều 31. Lễ tuyên thệ**

1. Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, người tuyên thệ quyết định nội dung tuyên thệ phù hợp với trách nhiệm được giao.

3. Vị trí tuyên thệ là vị trí trang trọng của lễ đài. Đại biểu Quốc hội, người được mời tham dự, dự thính tại phiên họp đứng trang nghiêm chứng kiến Lễ tuyên thệ.

4. Lễ tuyên thệ được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Quân nhạc cử nhạc nghi lễ và đội tiêu binh vào vị trí;
- b) Người tuyên thệ chào Quốc kỳ, tiến vào vị trí tuyên thệ và tiến hành tuyên thệ;
- c) Sau khi tuyên thệ, người tuyên thệ phát biểu nhậm chức.

**Điều 32. Trình tự quyết định số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

1. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Quốc hội quyết định số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước trình Quốc hội số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và dự thảo nghị quyết về số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa mới;

b) Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội khóa trước có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

c) Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội;

d) Quốc hội thảo luận;

đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

e) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Tại các kỳ họp sau kỳ họp thứ nhất, trong trường hợp cần thiết, Quốc hội quyết định số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Ngoài danh sách do Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước đề nghị, đại biểu Quốc hội có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào các chức danh Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử;

c) Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội khóa trước có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

d) Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do đại biểu Quốc hội giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử (nếu có);

đ) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách để bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu;

g) Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội bằng hình thức bỏ phiếu kín;

h) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết;

i) Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước trình Quốc hội dự thảo nghị quyết bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

k) Quốc hội thảo luận;

l) Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

m) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết;

n) Chủ tịch Quốc hội tuyên thệ.

4. Tại các kỳ họp sau kỳ họp thứ nhất, trong trường hợp cần thiết, Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc



hội trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều này.

### **Điều 33. Trình tự bầu Chủ tịch nước**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Chủ tịch nước.

2. Ngoài danh sách do Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị, đại biểu Quốc hội có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Chủ tịch nước; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

3. Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

4. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do đại biểu Quốc hội giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử (nếu có).

5. Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch nước.

6. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

7. Quốc hội bầu Chủ tịch nước bằng hình thức bỏ phiếu kín.

8. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.

9. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết bầu Chủ tịch nước.

10. Quốc hội thảo luận.

11. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

12. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

13. Chủ tịch nước tuyên thệ.

### **Điều 34. Quyết định cơ cấu tổ chức của Chính phủ**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức của Chính phủ bao gồm:

a) Tờ trình về cơ cấu tổ chức của Chính phủ;

b) Dự thảo nghị quyết;

- c) Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức của Chính phủ theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Chính phủ khóa trước trình bày tờ trình;
- b) Đại diện Ủy ban Pháp luật của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, mời Thủ tướng Chính phủ khóa trước tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan;
- d) Chính phủ khóa trước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội;
- đ) Quốc hội thảo luận;
- e) Chính phủ khóa trước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 35. Trình tự bầu Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

1. Chủ tịch nước trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Ngoài danh sách do Chủ tịch nước đề nghị, đại biểu Quốc hội có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

3. Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, mời Chủ tịch nước tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

4. Chủ tịch nước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do đại biểu Quốc hội giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử (nếu có).

6. Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

7. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

8. Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bằng hình thức bỏ phiếu kín.

9. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.

10. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết bầu Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

11. Quốc hội thảo luận.

12. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

13. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

14. Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tuyên thệ.

### **Điều 36. Quyết định thành lập Hội đồng Bầu cử quốc gia**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định thành lập Hội đồng Bầu cử quốc gia bao gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Hội đồng Bầu cử quốc gia;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội quyết định thành lập Hội đồng Bầu cử quốc gia theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày tờ trình;

b) Quốc hội thảo luận;

c) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

d) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 37. Trình tự bầu Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng Thư ký Quốc hội**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình danh sách đề cử đề Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng Thư ký Quốc hội.

2. Ngoài danh sách do Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị, đại biểu Quốc hội có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng Thư ký Quốc hội; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

3. Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

4. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do đại biểu Quốc hội giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử (nếu có).

5. Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng Thư ký Quốc hội.

6. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

7. Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng Thư ký Quốc hội bằng hình thức bỏ phiếu kín.

8. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.

9. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết bầu Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng Thư ký Quốc hội.

10. Quốc hội thảo luận.

11. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

12. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 38. Trình tự quyết định cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ**

1. Quốc hội quyết định cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ theo trình tự sau đây:

a) Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ và dự thảo nghị quyết về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ;

b) Đại diện Ủy ban Pháp luật của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, mời Thủ tướng Chính phủ tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

d) Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội;

đ) Quốc hội thảo luận;

e) Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ theo trình tự sau đây:

a) Thủ tướng Chính phủ trình danh sách để Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ;

b) Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, mời Thủ tướng Chính phủ tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

c) Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội;

d) Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu;

đ) Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ bằng hình thức bỏ phiếu kín;

e) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết;

g) Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ;

h) Quốc hội thảo luận;

i) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

k) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 39. Trình tự phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh và Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh**

1. Chủ tịch nước trình Quốc hội danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh.

2. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

3. Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh bằng hình thức bỏ phiếu kín.

4. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết phê chuẩn danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh.

6. Quốc hội thảo luận.

7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

8. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 40. Trình tự phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình danh sách đề Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Đại diện Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra.
3. Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, mời Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan.
4. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội.
5. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.
6. Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bằng hình thức bỏ phiếu kín.
7. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.
8. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội dự thảo nghị quyết phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
9. Quốc hội thảo luận.
10. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.
11. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 41. Trình tự phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia và Ủy viên Hội đồng Bầu cử quốc gia**

1. Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia trình Quốc hội danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Bầu cử quốc gia.
2. Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, mời Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan.
3. Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội.
4. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.
5. Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Bầu cử quốc gia bằng hình thức bỏ phiếu kín.

6. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.
7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết phê chuẩn danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Bầu cử quốc gia.
8. Quốc hội thảo luận.
9. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.
10. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 42. Bầu Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất**

Đoàn đại biểu Quốc hội tiến hành bầu Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội ngay sau phiên họp trừ bị theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Triệu tập viên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định thực hiện nhiệm vụ chủ tọa phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội, cử thư ký ghi biên bản, thông báo ý kiến của cấp có thẩm quyền về nhân sự dự kiến giới thiệu làm Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội. Trường hợp Triệu tập viên vắng mặt không thể chủ trì thì ủy quyền cho một đại biểu trong Đoàn đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ của Triệu tập viên;
2. Đại biểu Quốc hội có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử để bầu Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội;
3. Các đại biểu Quốc hội thảo luận và biểu quyết danh sách đề nghị bầu Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội bằng hình thức giơ tay;
4. Các đại biểu Quốc hội bầu Tổ kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay;
5. Các đại biểu Quốc hội bầu Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp nhân sự đạt quá nửa tổng số đại biểu của Đoàn đại biểu Quốc hội tán thành thì trúng cử Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội;
6. Tổ kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết;
7. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ngay sau khi được bầu;
8. Chủ tọa phiên họp hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị phê chuẩn Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội gồm tờ trình,



biên bản họp Đoàn đại biểu Quốc hội, biên bản kiểm phiếu theo mẫu do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

**Điều 43. Trình tự miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn theo trình tự sau đây:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền giới thiệu đề Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm người giữ chức vụ trình Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức;

b) Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

c) Đại diện cơ quan hoặc người có thẩm quyền báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội tại Đoàn đại biểu Quốc hội;

d) Quốc hội thảo luận. Trước khi Quốc hội thảo luận, người được đề nghị miễn nhiệm, người bị đề nghị bãi nhiệm, cách chức có quyền phát biểu ý kiến;

đ) Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu;

e) Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức bằng hình thức bỏ phiếu kín;

g) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết;

h) Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức;

i) Quốc hội thảo luận;

k) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

l) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Quốc hội phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh;
- b) Quốc hội thảo luận;
- c) Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu;
- d) Quốc hội phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín;
- đ) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết;
- e) Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh;
- g) Quốc hội thảo luận về dự thảo nghị quyết;
- h) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- i) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

#### **Điều 44. Trình tự quyết định cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.
2. Quốc hội thảo luận. Trước khi Quốc hội thảo luận, đại biểu Quốc hội xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội có quyền phát biểu ý kiến.
3. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.
4. Quốc hội cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội bằng hình thức bỏ phiếu kín.
5. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.
6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.
7. Quốc hội thảo luận.
8. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.
9. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

#### **Điều 45. Trình tự bãi nhiệm đại biểu Quốc hội**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội bãi nhiệm đại biểu Quốc hội.

2. Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội.

4. Quốc hội thảo luận. Trước khi Quốc hội thảo luận, đại biểu Quốc hội bị đề nghị bãi nhiệm có quyền phát biểu ý kiến.

5. Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

6. Quốc hội bãi nhiệm đại biểu Quốc hội bằng hình thức bỏ phiếu kín.

7. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết.

8. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội dự thảo nghị quyết bãi nhiệm đại biểu Quốc hội.

9. Quốc hội thảo luận.

10. Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

11. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 46. Phê chuẩn đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội**

1. Hồ sơ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội bao gồm:

a) Tờ trình của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;

d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình bày tờ trình;

- b) Đại diện Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Quốc hội thảo luận;
- d) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- đ) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

#### **Điều 47. Quyết định thành lập Ủy ban lâm thời**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định thành lập Ủy ban lâm thời bao gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Ủy ban lâm thời;
- b) Dự thảo nghị quyết về việc thành lập Ủy ban lâm thời.

Dự thảo nghị quyết quy định nhiệm vụ, quyền hạn, danh sách thành viên, phương thức hoạt động, thời điểm kết thúc nhiệm vụ của Ủy ban lâm thời;

- c) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội quyết định thành lập Ủy ban lâm thời theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày tờ trình;
- b) Quốc hội thảo luận;
- c) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- d) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

#### **Điều 48. Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan bao gồm:

- a) Tờ trình về thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- b) Đề án thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- c) Báo cáo đánh giá tác động của việc thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- d) Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan;
- đ) Dự thảo nghị quyết thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- e) Báo cáo thẩm tra về việc thành lập, bãi bỏ cơ quan.

2. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt gồm các tài liệu theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và báo cáo thẩm tra của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội hoặc Ủy ban lâm thời về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

3. Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Chính phủ trình bày tờ trình;

b) Đại diện Ủy ban Pháp luật của Quốc hội hoặc Ủy ban lâm thời trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội;

d) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, Chính phủ giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến việc thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội hoặc Ủy ban lâm thời phối hợp với các cơ quan có liên quan, Tổng Thư ký Quốc hội nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

e) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

Trường hợp Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết thành lập, giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại hai kỳ họp Quốc hội thì áp dụng trình tự quy định tại Điều 51 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

4. Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan có thẩm quyền trình bày tờ trình;
- b) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội;
- d) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền trình giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến việc thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Cơ quan trình, cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan có liên quan, Tổng Thư ký Quốc hội nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- e) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 49. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội**

1. Tờ trình hoặc Báo cáo của Chính phủ.
2. Dự thảo nghị quyết.
3. Báo cáo thẩm tra của cơ quan của Quốc hội.
4. Đối với việc trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương hằng năm, chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, hồ sơ còn có báo cáo ý kiến của Kiểm toán nhà nước. Đối với việc trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, hồ sơ còn có Báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước của Kiểm toán nhà nước.
5. Tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 50. Trình tự Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội tại một kỳ họp Quốc hội**

1. Đại diện Chính phủ trình bày tờ trình hoặc báo cáo.
2. Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.

3. Đại diện cơ quan, tổ chức báo cáo Quốc hội về lĩnh vực có liên quan theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội, tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

5. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, thành viên Chính phủ giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến tờ trình, báo cáo, dự thảo nghị quyết.

6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan có liên quan, Tổng Thư ký Quốc hội tổ chức nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

7. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

### **Điều 51. Trình tự Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội tại hai kỳ họp Quốc hội**

1. Tại kỳ họp thứ nhất:

a) Đại diện Chính phủ trình bày tờ trình hoặc báo cáo;

b) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức báo cáo Quốc hội về lĩnh vực có liên quan theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

d) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội, tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;

đ) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, thành viên Chính phủ giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến tờ trình, báo cáo, dự thảo nghị quyết.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Chính phủ chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra và các cơ quan có liên quan tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

3. Tại kỳ họp thứ hai:

a) Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội tại kỳ họp trước, Chính phủ trình Quốc hội tờ trình, báo cáo và dự thảo nghị quyết đã được tiếp thu, chỉnh lý;

- b) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức báo cáo Quốc hội về lĩnh vực có liên quan theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- d) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội, tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;
- đ) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, thành viên Chính phủ giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến tờ trình, báo cáo, dự thảo nghị quyết;
- e) Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan có liên quan, Tổng Thư ký Quốc hội tổ chức nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

4. Trong trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua thì Quốc hội xem xét, quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Điều 52. Xem xét đề nghị của Chủ tịch nước về việc xem xét lại pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

1. Hồ sơ đề nghị của Chủ tịch nước về việc xem xét lại pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bao gồm:

- a) Tờ trình của Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội xem xét lại pháp lệnh;
- b) Hồ sơ dự án pháp lệnh;
- c) Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội xem xét đề nghị của Chủ tịch nước theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tịch nước trình bày tờ trình;
- b) Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày báo cáo;
- c) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội;



d) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan;

đ) Quốc hội biểu quyết.

### **Điều 53. Quyết định đại xá**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định đại xá bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội quyết định đại xá;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;

d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội quyết định đại xá theo trình tự sau đây:

a) Chủ tịch nước trình bày tờ trình;

b) Đại diện Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội;

d) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, Chủ tịch nước giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan;

đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội phối hợp với Chủ tịch nước chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

e) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

### **Điều 54. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình bao gồm:

a) Tờ trình của Hội đồng Quốc phòng và An ninh đề nghị Quốc hội quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;

d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tịch nước trình bày tờ trình;
- b) Đại diện Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội;
- d) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, Chủ tịch nước giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan;
- đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội phối hợp với Chủ tịch nước chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- e) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 55. Quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân;
- b) Dự thảo nghị quyết;
- c) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày tờ trình;
- b) Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội;
- c) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- d) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 56. Quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong thời gian giữa nhiệm kỳ**

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong thời gian giữa nhiệm kỳ bao gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Quốc hội quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong thời gian giữa nhiệm kỳ;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày tờ trình;

b) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

3. Quốc hội quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Quốc hội thành lập Hội đồng Bầu cử bổ sung theo trình tự quy định tại các điều 36, 37 và 41 của Nội quy kỳ họp Quốc hội;

b) Quốc hội quyết định ngày bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 57. Xây dựng, ban hành nghị quyết kỳ họp Quốc hội**

1. Quốc hội ban hành nghị quyết kỳ họp Quốc hội để ghi nhận các luật, nghị quyết được Quốc hội xem xét, thông qua và các nội dung khác được Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo xây dựng dự thảo nghị quyết kỳ họp Quốc hội.

2. Trình tự xây dựng, ban hành nghị quyết kỳ họp Quốc hội được quy định như sau:

a) Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ

chức thành viên của Mặt trận, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có quyền đề xuất nội dung đưa vào dự thảo nghị quyết kỳ họp Quốc hội;

b) Cơ quan của Quốc hội thẩm tra theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan của Quốc hội, Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến bằng văn bản đối với nội dung đề xuất thuộc lĩnh vực phụ trách; nội dung đề xuất phải được trình Quốc hội xem xét, thảo luận;

c) Tổng Thư ký Quốc hội chủ trì giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổng hợp các nội dung được đề xuất và xây dựng dự thảo nghị quyết kỳ họp Quốc hội; gửi xin ý kiến Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức về nội dung có liên quan và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

d) Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin ý kiến đại biểu Quốc hội về dự thảo nghị quyết;

đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

e) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

**Điều 58. Áp dụng pháp luật có liên quan để xem xét, quyết định các vấn đề khác tại kỳ họp Quốc hội**

1. Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết được đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh để trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp theo trình tự, thủ tục rút gọn, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đồng thời với việc quyết định bổ sung dự án luật, dự thảo nghị quyết vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

2. Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập, chấm dứt hiệu lực, tạm đình chỉ thực hiện, từ bỏ hoặc rút khỏi điều ước quốc tế theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Điều ước quốc tế.

3. Quốc hội giám sát tối cao tại kỳ họp Quốc hội theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Quốc hội lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Nghị quyết về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn.

4. Quốc hội quyết định trưng cầu ý dân theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Trưng cầu ý dân.

5. Việc tiếp công dân và tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân trong thời gian tiến hành kỳ họp Quốc hội được thực hiện theo quy định tại Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

6. Trình tự, thủ tục khác trong hoạt động của Quốc hội thực hiện theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội có liên quan.

---

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Vương Đình Huệ**